

Thời điểm: Tháng 9 năm 2025

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh Lào Cai)

TT	Trường	Số Đ.Tr	Số lớp		Số phòng học				Số phòng chức năng								Công trình VS				Sân chơi		Bãi tập					
			Tổng số	Lớp ghép	Kiên cố	Bán kiên cố	Tạm	Thuê/mượn	Ti lệ Ph/Lớp	HTr	PH T	VP	Y tế	TT HĐ Đội	P.học		T.Viện		Thiết bị		GV		HS		SL	DT	SL	DT
										SL	SL	SL	SL	SL	SL	DT	SL	DT	SL	DT	SL	DT	SL	DT				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	
1	Phường Âu Lâu	6	55		55			1		4	4	5	1	5	151	5	163	3	159	9	87	10	323	5	4720	5	2200	
2	Phường Cam Đường	9	173		175			1	9	13	9	9	9	9	897	9	956	9	423	22	444	55	1572	10	17346	12	7707	
3	Phường Cầu Thia	6	70		64	6		1	5	6	5	5	5	5	240	5	241	5	178	5	94	8	181	6	5219	6	1981	
4	Phường Lào Cai	9	213		207	4		0,99	10	13	10	8	6	8	584	9	600	8	330	14	394	76	1624	10	25983	6	6221	
5	Phường Nam Cường	5	39		39			1	4	5	4	3	3	4	142	3	61	3	61	7	117	10	239	5	13712	5	7509	
6	Phường Nghĩa Lộ	4	52		51	1	1	2	1,06	4	4	4	4	4	226	4	167	4	167	8	102	11	238	5	4360	5	1800	
7	Phường Sa Pa	12	103		53	41	7	2	1	6	7	6	6	5	266	6	170	5	138	15	152	26	298	15	5027	7	1097	
8	Phường Trung Tâm	4	68		74			1,06	2	6	4	4	4	4	258	4	210	4	150	7	63	12	280	6	7800	6	5973	
9	Phường Văn Phú	6	64		64			1	3	6	5	5	3	5	253	5	180	3	98	7	108	16	234	6	5000	6	3600	
10	Phường Yên Bái	7	147		148			1,01	6	11	6	6	6	5	357	6	306	6	274	14	157	27	976	7	51625	7	2160	
11	Xã A Mú Sung	13	31	8	20	10		1	2	2	2	2	2	2	92	2	92	2	87	2	82	3	114	7	3500	2	700	
12	Xã Bắc Hà	15	128		112	16		1	8	17	8	7	7	8	569	8	390	7	245	15	244	51	972	16	8780	5	1900	
13	Xã Bản Hồ	4	44	5	41	3		1,02	3	4	1	3	3	4	255	4	186	4	166	3	6	12	260	8	4200	1	80	
14	Xã Bản Lầu	13	74	3	60	15		1	5	6	5	5	5	5	244	5	220	5	163	6	85	21	302	10	7523	7	1200	
15	Xã Bản Liên	4	19		16	3		1	2	2	2	2	2	2	137	2	126	2	62	4	96	5	116	4	3000	2	1200	
16	Xã Bản Xèo	11	42	2	26	18		1,05	2	4	2	3	3	3	179	3	165	3	151	15	206	20	292	10	4485	10	2750	
17	Xã Bảo Ái	5	66		66			1	4	4	4	4	4	4	255	4	229	4	178	7	189	12	442	5	9151	5	2000	
18	Xã Bảo Hà	23	135	11	122	13		1	10	11	9	10	10	9	427	11	504	11	387	19	223	44	717	26	23489	7	5500	
19	Xã Bảo Nhai	12	78		65	13		1	5	8	5	5	4	5	336	5	264	4	121	8	158	22	454	7	4100	4	2400	
20	Xã Bảo Thắng	17	107	3	86	37		1,15	8	10	7	8	8	4	231	8	367	7	234	15	274	20	486	12	10252	3	1626	
21	Xã Bảo Yên	3	71		74	1		1,04	5	6	4	6	6	5	364	6	254	6	183	8	128	11	179	7	6997	2	4000	
22	Xã Bát Xát	12	108	10	86	21		1	4	11	6	6	6	6	282	6	310	6	200	10	189	17	533	8	17225	8	4559	
23	Xã Cẩm Nhân	4	46		46			1	4	4	4	4	4	4	183	4	160	4	136	9	120	7	108	4	10400	4	3900	
24	Xã Cao Sơn	22	83	12	75	31	2	1,32	4	4	4	4	4	4	216	4	168	4	144	14	230	52	756	26	7292	26	3376	
25	Xã Cát Thịnh	2	32		30	2		1	1	2	1	1	1	1	48	1	48	1	48	2	50	8	285	3	3350	2	760	
26	Xã Chân Thịnh	3	47		41	5		1	2	2	2	2	2	2	156	2	140	2	140	2	25	3	65	2	2900	2	1000	
27	Xã Châu Quế	5	41		47	1		1,17	1	2	2	2	2	2	120	2	120	3	70	3	42	5	125	4	1800	4	950	
28	Xã Chế Tạo	1	10		6		4	1	1	1	1	1	1	1	45	1	45	1	35	1	45	1	45	1	600	1	300	

29	Xã Chiềng Ken	4	37	1	32	3			1	2	6	2	3	3	3	147	3	136	2	84	4	62	9	188	6	6400	2	500
30	Xã Cốc Lầu	5	36		30	6			1	2	4	2	3	2	3	216	3	160	3	100	5	105	13	385	5	3812	2	900
31	Xã Cốc Sơn	4	36		34	2			1	2	3	3	3	2	2	107	4	164	3	147	5	44	12	187	3	3920	3	2350
32	Xã Dền Sáng	13	55	1	39	15	2		1,02	3	5	3	3	3	3	180	3	130	3	105	14	215	16	286	13	2970	3	1160
33	Xã Dương Quỳ	9	33	7	27	6			1	2	3	1	1	2	2	92	2	92	2	30	2	51	11	305	9	11779		
34	Xã Đông Cường	7	60		54	6			1		5	2	5		4	123	6	230	5	162	8	111	11	165	7	2700	6	2000
35	Xã Gia Hội	3	42		42	13			1,31	3	4	3	3	3	3	157	3	136	3	87	3	56	3	78	3	7380	3	4620
36	Xã Gia Phú	8	69		72	6			1,13	5	6	5	5	5	3	168	5	275	5	177	9	206	18	400	9	11500	4	1670
37	Xã Hạnh Phúc	5	57		44	3	10		1	2	5	4	4	3	4	186	5	177	5	137	5	106	10	195	5	2850	5	2400
38	Xã Hợp Thành	3	43	1	34	9			1	1	4	2	1	1	4	189	4	165	1	88	6	152	7	708	5	5100	3	3900
39	Xã Hưng Khánh	5	40		41				1,03	1	2	2	2	2	1	42	2	77	1	20	6	100	4	90	4	2800	2	800
40	Xã Khánh Hòa	8	59		52	7			1	2	5	5	4	4	4	182	4	210	4	152	5	72	9	156	9	4530	6	3500
41	Xã Khánh Yên	7	48	2	44	7			1,06	4	4	4	3	4	4	201	4	186	4	146	6	148	12	228	7	4614	1	200
42	Xã Khao Mang	2	35		32	3			1	2	3	1	2	1	2	86	1	51	1	20	4	85	10	246	2	2200	2	800
43	Xã Lâm Giang	6	47		46	5			1,09	2	4	2	2	2	2	120	5	241	2	74	8	140	9	200	6	4100	4	2700
44	Xã Lâm Thượng	3	52		47	3	2		1	2	4	3	3	2	4	302	3	144	3	124	6	76	7	92	5	4700	5	2895
45	Xã Lao Chải	2	38		39		1		1,05	2	2	2	2	2	2	96	2	85	2	55	3	92	5	340	2	1900	2	400
46	Xã Liên Sơn	4	38		28	10			1	3	3	3	3	3	3	129	3	178	3	82	2	30	6	169	5	3400	5	2350
47	Xã Lục Yên	6	77		45	32			1	3	6	4	4	3	4	214	3	178	4	156	6	124	7	332	6	8600	6	4000
48	Xã Lũng Phình	10	62		61	16			1,24	5	8	5	5	5	5	416	5	244	5	228	12	254	16	448	10	5700	8	3500
49	Xã Lương Thịnh	4	36		34	2			1	1	3	1	2	1	1	60	2	60	1	18	6	108	5	140	4	2400	4	1150
50	Xã Mậu A	7	111		110	1			1	5	10	4	6	4	3	234	4	242	4	209	8	125	12	375	8	6795	7	2270
51	Xã Minh Lương	1	33		28	5			1	3	2	2	2	2	2	96	2	94	2	76	5	61	6	157	3	7905	3	1560
52	Xã Mô Vàng	2	33		25	8			1	2	3	2	2	2	2	93	2	98	1	48	4	64	2	106	3	2500	2	1000
53	Xã Mù Cang Chải	4	59		51	8			1	4	6	4	4	4	4	167	4	215	4	119	9	135	8	249	4	4630	4	900
54	Xã Mường Bo	4	31		30	2			1,03	3	6	3	3	3	3	162	4	172	4	147	5	87	7	154	6	3515	1	500
55	Xã Mường Hum	7	31	5	27	3			1	3	4	3	3	2	2	100	3	128	3	128	8	120	15	285	11	3480	10	2630
56	Xã Mường Khương	24	107	8	97	36			1,24	5	10		4	5	5	234	6	228	4	124	6	111	28	576	26	13380	1	600
57	Xã Mường Lài	5	62		69	6			1,21	2	5	5	5	5	5	243	5	209	5	162	11	131	10	142	6	6950	5	4750
58	Xã Nậm Chày	11	32	8	19	9	4		1	1	3	1	1	1	2	102	2	102	2	102	4	54	7	99	8	1810	1	1000
59	Xã Nậm Cỏ	2	44		34	4	6		1	2	4	2	2	2	2	85	2	62	2	32	2	12	6	215	2	995	2	600
60	Xã Nậm Xé		6		9	2			1,83	1	1	1		1	1	42	1	42	1	42	1	25	3	100	1	2000	1	500
61	Xã Nghĩa Đô	16	58	9	52	7	1		1,03	3	6	4	4	4	4	266	4	194	5	132	9	163	22	299	17	5220	5	920
62	Xã Nghĩa Tâm	6	56		45	6	4		0,98	3	3	2	2	2	3	189	3	141	3	94	6	78	7	180	4	5300	5	2000
63	Xã Ngũ Chi Sơn	8	41	3	29	12			1	3	3	3	3	3	3	180	3	180	3	180	4	46	11	161	9	6400	3	600
64	Xã Pha Long	15	81	8	61	24			1,05	3	8	6	5	5	5	322	6	277	5	169	19	125	25	313	17	6786	7	3591
65	Xã Phình Hồ	4	52		41	2	2	7	4	2	5	1	2	0	3	204	3	162	0	0	5	76	7	92	3	2260	2	1250
66	Xã Phong Dụ Hạ	2	25		25				1		2	2	2	2	1	48	2	103	2	50	3	39	5	72	2	2500	2	300
67	Xã Phong Dụ Thượng	1	18		14	4			1	1	1	1	1	1	1	54	1	54	1	21	2	45	2	70	1	1225	1	252

68	Xã Phong Hải	13	68		50	18			1	3	3	3	3	3	3	135	2	90	3	107	12	134	30	270	11	9200	6	1000
69	Xã Phúc Khánh	6	34	2	34				1	2	4	2	1	2	4	341	4	230	2	98	6	116	19	414	4	3700	4	3700
70	Xã Phúc Lợi	4	49		50	1			1,04	1	3	3	3	2	3	163	3	132	3	102	5	75	9	141	6	2730	6	1486
71	Xã Púng Luông	4	77		77				1	2	6	4	4	3	4	380	4	200	4	162	10	144	13	274	7	3400	4	1700
72	Xã Quy Mông	6	47		45	2			1	2	3	3	3	3	4	192	4	204	4	149	4	80	5	149	6	7000	6	2250
73	Xã Sĩ Ma Cai	25	118	21	118				1	6	12	6	8	8	9	655	10	565	7	317	24	338	63	988	29	10766	24	4948
74	Xã Sín Chéng	15	69	1	52	17			1	5	7	5	5	5	5	837	5	739	5	347	12	182	22	344	13	9500	8	2190
75	Xã Sơn Lương	7	46		38	8			1	4	4	3	4	4	4	214	4	130	4	89	6	95	11	218	7	3720	7	1550
76	Xã Tả Cù Tỷ	3	34		32	2			1	3	3	3	3	3	3	300	3	150	3	107	3	85	8	301	3	4700	3	1600
77	Xã Tả Phìn	10	51		32	19			1	2	2	2	2	2	2	101	2	106	2	106	4	56	25	329	12	4447	2	345
78	Xã Tả Vạn	15	79	1	65	14			1	2	6	2	3	2	2	130	2	85	3	83	5	78	22	294	16	2740	9	1410
79	Xã Tả Xi Láng	0	10	0	10	0	0	0	1	1	1	1	1	1	1	45	1	45	1	45	2	15	2	15	1	175	1	70
80	Xã Tân Hợp	1	42		42				1		3	3	3	3	3	195	3	120	3	105	9	107	7	142	4	2500	4	3000
81	Xã Tân Lĩnh	3	58		59	5			1,12		5	5	5	5	5	355	5	265	5	225	8	160	8	172	7	8726	7	4300
82	Xã Tăng Loóng	14	94	2	85	12			1,03	5	6	4	5	5	4	298	5	323	5	136	12	258	21	540	8	6550	5	2150
83	Xã Thác Bà	7	84		84				1	7	7	7	7	7	7	413	7	368	7	245	9	149	13	217	7	8805	7	4950
84	Xã Thượng Bằng La	5	45		37	8			1	2	4	3	3	4	3	179	3	173	2	88	6	62	5	98	4	5100	4	1790
85	Xã Thượng Hà	12	57	5	75				1,32	5	5	5	5	5	5	279	5	234	4	108	6	186	23	507	14	5303	5	2094
86	Xã Trám Tấu	4	51		42	1	4	4	1		4	1	2	1	3	122	4	169	3	125	11	136	7	87	5	2220	5	2220
87	Xã Trấn Yên	5	64		69				1,08	4	6	4	3	3	2	93	5	247	5	176	7	145	8	322	7	5800	7	3550
88	Xã Trịnh Tường	13	53	5	33	8	12		1	3	4	3	3	2	3	179	3	100	3	84	6	85	30	366	13	15300	5	2320
89	Xã Tú Lệ	3	47		51				1,09	2	4	1	2	2	2	98	2	88	2	64	5	110	5	168	4	2050	3	750
90	Xã Văn Bàn	12	83	2	79	4			1	5	7	5	5	5	5	296	5	212	4	127	10	156	14	279	11	12750	9	6700
91	Xã Văn Chấn	4	75		65	10			1	2	4	4	4	4	4	276	4	172	4	134	5	74	16	478	5	5644	5	2750
92	Xã Việt Hồng	4	32		32				1	2	2	3	3	3	3	90	4	146	3	128	5	87	5	178	5	2200	5	1400
93	Xã Võ Lao	10	67	3	67	3			1	5	7	5	6	6	6	306	6	283	4	171	6	189	10	238	9	12100	8	6080
94	Xã Xuân Ái	8	78		75	7			1,05	3	6	3	5	5	4	210	4	128	5	167	7	99	15	314	9	6950	7	2260
95	Xã Xuân Hòa	8	48	4	45	3			1	2	3	2	2	3	3	154	2	90	3	96	5	72	16	341	5	11597	4	1500
96	Xã Xuân Quang	16	92	3	78	13			1	6	6	6	6	5	6	306	6	228	6	200	9	140	19	352	13	7768	2	270
97	Xã Y Tý	13	48	3	33	13	2		1	3	4	3	2	3	3	166	3	166	3	166	11	109	22	174	3	3000	3	2000
98	Xã Yên Bình	5	73		73				1	4	6	5	5	5	3	126	4	231	6	194	8	202	22	456	5	6813	5	2300
99	Xã Yên Thành	6	51		51				1	5	6	5	6	5	5	316	5	259	5	220	8	138	11	308	6	7072	6	2450
	<b>Cộng</b>	<b>735</b>	<b>5950</b>	<b>159</b>	<b>5370</b>	<b>702</b>	<b>52</b>	<b>27</b>	<b>1.03</b>	<b>308</b>	<b>493</b>	<b>340</b>	<b>360</b>	<b>335</b>	<b>355</b>	<b>21417</b>	<b>385</b>	<b>19297</b>	<b>357</b>	<b>13260</b>	<b>724</b>	<b>11844</b>	<b>1433</b>	<b>30334</b>	<b>738</b>	<b>643668</b>	<b>474</b>	<b>1,03</b>

NGƯỜI LẬP BẢNG

....., Ngày.... tháng.... năm....  
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**  
(Kí, họ tên và đóng dấu UBND)